

Bài 30: ÔN TẬP KÌ I (2 TIẾT)

Tài liệu học tập SGK trang 99→101

A. Mục tiêu bài học:

Củng cố lại kiến thức của HS trong phần động vật không xương sống về:

- Tính đa dạng của động vật không xương sống.
- Các đặc điểm cấu tạo, lối sống của các đại diện đặc trưng cho ngành.
- Ý nghĩa thực tiễn của ĐVKXS trong tự nhiên và trong đời sống.

Hoạt động 1: Tính đa dạng của động vật không xương sống

I. Tính đa dạng của động vật không xương sống

HS đọc đặc điểm của các đại diện, đối chiếu với hình vẽ ở bảng 1 trang 99 SGK và làm bài tập sau:

Câu 1: Ghi tên ngành và tên đại diện vào bảng 1:

Bảng 1. Các đại diện của Động vật không xương sống

Ngành	Đặc điểm	Ngành	Đặc điểm	Các ngành	Đặc điểm
 Đại diện	• Có roi • Có nhiều hạt diệp lục	 Đại diện	• Cơ thể hình trụ • Nhiều tua miệng • Thường có vách xương đá vôi	 Đại diện	• Cơ thể dẹp • Thường hình lá hoặc kéo dài
 Đại diện	• Có chân giả • Nhiều không bào • Luôn luôn biến hình	 Đại diện	• Cơ thể hình chuông • Thủy miệng kéo dài	 Đại diện	• Cơ thể hình ống dài • Thuôn 2 đầu • Tiết diện ngang tròn
 Đại diện	• Có miệng và khe miệng • Nhiều lông bơi	 Đại diện	• Cơ thể hình trụ • Có tua miệng	 Đại diện	• Cơ thể phân đốt • Có chân bên hoặc tiêu giảm

Câu 2: Kể thêm các đại diện ở mỗi ngành. Bổ sung đặc điểm cấu tạo trong đặc

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Em có nhận xét gì về tính đa dạng của động vật không xương sống.

.....

.....

→Kết luận (Ghi bài)

- Động vật không xương sống đa dạng về cấu tạo, lối sống nhưng vẫn mang đặc điểm đặc trưng của mỗi ngành thích nghi với điều kiện sống.

II. Sự thích nghi của động vật không xương sống (Học sinh tự đọc)

Hoạt động 2: Tầm quan trọng thực tiễn của động vật không xương sống

Tài liệu 120-123/SGK

II. Tầm quan trọng thực tiễn của động vật không xương sống

Câu 4: HS đọc thông tin bảng 3/101 và ghi tên loài vào ô trống thích hợp.

Bảng 3. Tầm quan trọng thực tiễn của Động vật không xương sống

STT	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên loài
1	Làm thực phẩm	
2	Có giá trị xuất khẩu	
3	Được nhân nuôi	
4	Có giá trị dinh dưỡng chữa bệnh	
5	Làm hại cơ thể động vật và người	
6	Làm hại thực vật	
...		

Câu 5: Bổ sung thêm một vài ý nghĩa thực tiễn khác.

.....

.....

.....

→Kết luận (Ghi bài)

Tầm quan trọng	Tên loài
- Làm thực phẩm	- Tôm, cua, sò, trai, ốc, mực
- Có giá trị xuất khẩu	- Tôm, cua, mực
- Được chăn nuôi	- Tôm, sò, cua
- Có giá trị chữa bệnh	- Ong mật

- Làm hại cơ thể động vật và người - Làm hại thực vật - Làm đồ trang trí	- Sán lá gan, giun đũa - Châu chấu, ốc sên - San hô, ốc
--	---

Hoạt động 3: Tóm tắt ghi nhớ

Tài liệu 101/SGK

III. Tóm tắt ghi nhớ

-HS đọc và ghi nhớ kiến thức.

Cơ thể đa bào	Đối xứng hai bên	Cơ thể có bộ xương ngoài	Bộ xương ngoài bằng kitin – Cơ thể thường phân đốt – Cả chân cũng phân đốt, một số có cánh	Ngành Chân khớp
		Cơ thể mềm	Thường không phân đốt và có vỏ đá vôi	Ngành Thân mềm
			Đẹp, kéo dài hoặc phân đốt	Các ngành Giun
		Đối xứng toả tròn	– Cơ thể thường hình trụ hay hình dù với 2 lớp tế bào – Miệng có tua miệng, có tế bào gai tự vệ	
Cơ thể đơn bào	– Chỉ là một tế bào nhưng thực hiện đủ các chức năng sống của cơ thể – Kích thước hiển vi			Ngành Động vật nguyên sinh

➔Kết luận (Ghi bài)

-Bảng tóm tắt ghi nhớ SGK/101.

ĐỘNG 4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC.

TRẮC NGHIỆM-CHỌN CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG.

Câu 1:Trong lớp Hình nhện, đại diện nào dưới đây vừa có hại, vừa có lợi cho con người ?

Ve bò

Nhện nhà

Ve bét

Cái ghẻ.

Câu 2: Nhện nhà có bao nhiêu đôi chân bò ?

1

2

3.

4.

Câu 3: Bộ phận nào dưới đây giúp nhện di chuyển và chăng lưới ?

Đôi chân xúc giác.

Bốn đôi chân bò.

Các núm tuyến tơ.

Đôi kim.

Câu 4: Quá trình chăng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau :

(1): Chăng tơ phóng xạ.

(2): Chăng các tơ vòng.

(3): Chăng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lí.

(3) → (1) → (2).

(3) → (2) → (1).

(1) → (3) → (2).

(2) → (3) → (1).

Câu 5: Khi rình mồi, nếu có sâu bọ sa lưới, lập tức nhện thực hiện các thao tác :

(1): Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi.

(2): Nhện hút dịch lỏng ở con mồi.

(3): Nhện ngoạm chặt mồi, tiết nọc độc.

(4): Trói chặt mồi rồi treo vào lưới một thời gian.

Hãy sắp xếp các thao tác trên theo trình tự hợp lí.

(3) → (2) → (1) → (4).

(2) → (4) → (1) → (3).

(3) → (1) → (4) → (2).

(2) → (4) → (3) → (1).

Câu 6: Châu chấu non có hình thái bên ngoài như thế nào?

Giống châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh.

Giống châu chấu trưởng thành, đủ cánh.

Khác châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh.

Khác châu chấu trưởng thành, đủ cánh.

Câu 7: Thức ăn của châu chấu là:

côn trùng nhỏ.

xác động thực vật.

chồi và lá cây.

mùn hữu cơ.

Câu 8: Cơ thể châu chấu chia làm mấy phần:

Có hai phần gồm đầu và bụng

Có hai phần gồm đầu ngực và bụng

Có ba phần gồm đầu, ngực và bụng

Cơ thể chỉ là một khối duy nhất

Câu 9: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những sâu bọ sống ở môi trường nước?

Ấu trùng ve sầu, bọ gậy, bọ rầy.

Bọ vẽ, ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy.

Bọ gậy, ấu trùng ve sầu, dế trũi.

Ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy, bọ ngựa.

Câu 10: Nhóm nào dưới đây gồm toàn những chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn?

Tôm sông, nhện, ve sầu.

Kiến, nhện, tôm ở nhờ.

Kiến, ong mật, nhện.

Ong mật, tôm sông, tôm ở nhờ.

Câu 11: Vì sao nói châu chấu là loại sâu bọ gây hại cho cây trồng:

Vì chúng gây bệnh cho cây trồng

Vì chúng hút nhựa cây

Vì chúng cắn đứt hết rễ cây

Vì chúng gặm chồi non và lá cây

Câu 12: Phát biểu nào sau đây về muỗi vẫn là đúng?

Chỉ muỗi đực mới hút máu.

Muỗi đực và muỗi cái đều hút máu.

Chỉ muỗi cái mới hút máu.

Muỗi đực và muỗi cái đều không hút máu.

Câu 13: Trong ngành Chân khớp, lớp nào có giá trị lớn về mặt thực phẩm cho con người?

Lớp Đuôi kiếm.

Lớp Giáp xác.

Lớp Hình nhện.

Lớp Sâu bọ.

Câu 14: Tập tính nào dưới đây không có ở kiến?

Đực cái nhận biết nhau bằng tín hiệu.

Chăm sóc thế hệ sau.

Chăn nuôi động vật khác.

Dự trữ thức ăn.

Câu 15: Số đôi chân ngực ở tôm sông, nhện nhà, châu chấu lần lượt là

3, 4 và 5.

4, 3 và 5.

5, 3 và 4.

5, 4 và 3.

Câu 16: Nhóm nào dưới đây thuộc ngành Chân khớp

Tôm sông, nhện, vắt

Kiến, nhện, ốc sên

Kiến, ong mật, nhện.

Rết, tôm sông, tôm ở nhờ.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây về cá chép là sai ?

Là động vật ăn tạp.

Không có mi mắt.

Có hiện tượng thụ tinh trong.

Có da bao bọc bên ngoài lớp vảy.

Câu 18: Vây lẻ của cá chép gồm có :

vây lưng, vây bụng và vây đuôi.

vây lưng, vây hậu môn và vây đuôi.

vây hậu môn, vây đuôi và vây ngực.

vây ngực, vây bụng và vây đuôi.

Câu 19: Loại cá nào dưới đây không thuộc lớp Cá sụn?

Cá nhám.

Cá đuối.

Cá phi.

Cá mập

Câu 20: Đặc điểm nào dưới đây giúp cá chép giảm sức cản của nước khi di chuyển ?

Thân thon dài, đầu thuôn nhọn gắn chặt với thân.

Vây có da bao bọc, trong da có nhiều tuyến tiết chất nhầy.

Vây cá có tia vây được căng bởi da mỏng.

Mắt không có mi, màng mắt tiếp xúc với môi trường nước

Câu 21: Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa của câu sau:

Cá sụn có bộ xương bằng ...(1)..., khe mang ...(2)..., da nhám, miệng nằm ở ...(3)....

(1): chất xương; (2): trần; (3): mặt bụng

(1): chất sụn; (2): kín; (3): mặt lưng

(1): chất sụn; (2): trần; (3): mặt bụng

(1): chất sụn; (2): trần; (3): mặt lưng

Câu 22: Những loài cá sống ở tầng nước giữa thường có màu sắc như thế nào?

Thường có màu tối ở phần lưng và màu sáng ở phần bụng.

Thường có màu tối ở phía bên trái và màu sáng ở phía bên phải.

Thường có màu sáng ở phía bên trái và màu tối ở phía bên phải.

Thường có màu sáng ở phần lưng và màu tối ở phần bụng.

Câu 23: Đặc điểm nào dưới đây thường xuất hiện ở các loài cá sống ở tầng mặt?

Thân dẹt mỏng, khúc đuôi khỏe.

Thân thon dài, khúc đuôi yếu.

Thân ngắn, khúc đuôi yếu.

Thân thon dài, khúc đuôi khỏe.

Câu 24: Vì sao cá chép thường đẻ trứng với số lượng lớn?

Vì môi trường ngoài có nhiều yếu tố bất lợi nên cá đẻ nhiều trứng để tăng khả năng thụ tinh.

Vì trong điều kiện môi trường bất lợi thì trứng sẽ kết bào xác, sau đó bào xác bị huỷ hoại dần.

Vì trong điều kiện môi trường bất lợi thì trứng sẽ kết bào xác, sau đó bào xác bị huỷ hoại dần.

Vì hiệu suất thụ tinh của cá chép rất cao.

Câu 25: Trong đời sống con người, vai trò quan trọng nhất của cá là gì?

Là nguồn dược liệu quan trọng.

Là nguồn thực phẩm quan trọng.

Làm phân bón hữu cơ cho các loại cây công nghiệp.

Tiêu diệt các động vật có hại.

Câu 26: Vỏ tôm được cấu tạo bằng

kitin.

xenlulôzơ.

keratin.

collagen.

Câu 27: Phát biểu nào sau đây về tôm sông là sai?

Là động vật lưỡng tính.

Phần đầu và phần ngực gắn liền nhau.

Phát triển qua giai đoạn ấu trùng.

Vỏ được cấu tạo bằng kitin, có ngấm thêm canxi.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây là đúng?

Hầu hết các giáp xác đều có hại cho con người.

Các giáp xác nhỏ trong ao, hồ, sông, biển là nguồn thức ăn quan trọng của nhiều loài cá.

Giáp xác chỉ sống được trong môi trường nước.

Chân kiếm sống tự do là thủ phạm gây chết cá hàng loạt.

Câu 29: Những loài giáp xác nào dưới đây có hại cho động vật và con người?

Sun và chân kiếm kí sinh

Cua nhện và sun

Sun và rận nước

Rận nước và chân kiếm kí sinh

Câu 30: Tập tính ôm trứng của tôm mẹ có ý nghĩa như thế nào?

Giúp trứng tận dụng ôxi từ cơ thể mẹ.

Bảo vệ trứng khỏi kẻ thù.

Giúp phát tán trứng đi nhiều nơi.

Giúp trứng nhanh nở.

Lưu ý :Tự học bài trả lời được các câu hỏi, bài tập,chép bài đầy đủ.

Có thắc mắc gì các em có thể liên hệ trực tiếp GV 0902035554.